



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1700>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG XÃ HỘI CHO TRẺ MẦM NON Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đặng Thị Ngọc Tuyền

Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

Email: dtntuyen.mnhl2bc@hcm.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 07/11/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 19/11/2025; Ngày duyệt đăng: 05/12/2025

Tóm tắt

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non tại các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp điều tra xã hội học với 100 đối tượng gồm cán bộ quản lý và giáo viên, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để đánh giá các khía cạnh quản lý như nhận thức, lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá. Kết quả cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thể hiện ở nhận thức đúng đắn, sự chủ động trong lập kế hoạch và tinh thần hợp tác trong triển khai hoạt động. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế về tính đồng bộ, sự sáng tạo của giáo viên, năng lực điều hành của cán bộ quản lý và điều kiện cơ sở vật chất. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất định hướng đổi mới quản lý, tăng cường bồi dưỡng chuyên môn và phát huy vai trò phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng xã hội, góp phần phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ mầm non.

Từ khóa: *Bình Chánh, giáo dục kỹ năng xã hội, kỹ năng xã hội, trẻ mầm non.*

Trích dẫn: Đặng, T. N. T. (2025). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(07S), 47-57. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.07S.2025.1700>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT MANAGEMENT OF SOCIAL SKILLS EDUCATION FOR PRESCHOOL CHILDREN IN BINH CHANH DISTRICT, HO CHI MINH CITY

Dang Thi Ngoc Tuyen

Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 87000, Vietnam

Email: dtntuyen.mnhtl2bc@hcm.edu.vn

Article history

Received: 07/11/2025; Received in revised form: 19/11/2025; Accepted: 05/12/2025

Abstract

The article presents the research findings on the current management of social skills education (SSE) for preschool children in kindergartens across Binh Chanh District, Ho Chi Minh City. The study used a sociological survey method with 100 participants, including administrators and teachers, and employed a 5-point Likert scale to assess management aspects such as awareness, planning, organization, direction, and evaluation. The results indicate that the management of SSE activities has achieved positive outcomes, reflected in the proper awareness of its importance, proactive planning, and collaborative implementation among school staff. However, certain limitations remain, including a lack of consistency, limited creativity among teachers, insufficient managerial capacity, and inadequate facilities. Accordingly, the article proposes directions for innovation in management practices, enhanced professional development for educators, and strengthened cooperation between schools, families, and communities to improve the effectiveness of SSE, thereby contributing to the holistic personality development of preschool children.

Keywords: *Binh Chanh, , preschool children, social skills, social-skills education.*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục mầm non giữ vai trò nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân, là giai đoạn đầu tiên hình thành nhân cách, trí tuệ, cảm xúc và năng lực xã hội của con người. Việc hình thành kỹ năng xã hội (KNXH) cho trẻ ở giai đoạn này có ý nghĩa quyết định đối với khả năng thích ứng học đường và phát triển nhân cách bền vững. Theo Chương trình Giáo dục mầm non, phát triển tình cảm và KNXH là một trong năm lĩnh vực giáo dục cốt lõi, bên cạnh thể chất, nhận thức, ngôn ngữ và thẩm mỹ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021).

Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013) xác định mục tiêu “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, trong đó nhấn mạnh việc hình thành nhân cách và kỹ năng sống cho trẻ. Tinh thần này cho thấy giáo dục mầm non không chỉ chú trọng nuôi dưỡng mà còn hướng tới phát triển năng lực cảm xúc - xã hội, coi đây là trụ cột của chất lượng giáo dục. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019a) cũng khẳng định hoạt động giáo dục KNXH cần được tổ chức thường xuyên, liên tục, lồng ghép trong hoạt động học - chơi, phù hợp đặc điểm lứa tuổi và tâm sinh lý của trẻ.

Trên bình diện quốc tế, OECD (2015) trong báo cáo *Starting Strong IV* chỉ ra rằng chất lượng giáo dục mầm non phụ thuộc đáng kể vào năng lực giáo viên (GV) và công tác quản lý nhà trường, đặc biệt ở khâu giám sát và phản hồi. CASEL (2020) xác định năm nhóm năng lực cảm xúc - xã hội cốt lõi: tự nhận thức, tự quản lý, nhận thức xã hội, kỹ năng quan hệ và ra quyết định có trách nhiệm. Phát triển các năng lực này ở giai đoạn mầm non giúp trẻ hình thành nền tảng hành vi và thái độ tích cực trong học tập và cuộc sống.

Theo UNESCO (2024, 2025), việc tích hợp giáo dục cảm xúc - xã hội (SEL) vào chính sách, chương trình và đào tạo GV là hướng đi bền vững để xây dựng trường học bao trùm và nhân văn. KNXH không chỉ là kỹ năng hỗ trợ mà là yếu tố cốt lõi trong giáo dục chất lượng, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu cho thấy GV mầm non đã nhận thức rõ tầm quan trọng của KNXH nhưng việc triển khai thực tế còn hạn chế. Hạnh (2017) cho rằng phần lớn GV chỉ dừng lại ở việc lồng ghép KNXH trong các hoạt động học và chơi, thiếu thiết kế trải nghiệm cụ thể cho trẻ. Đặng và Trần (2014) xác định KNXH là sự tổng hòa giữa hiểu biết, thái độ và hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội; vì vậy, việc giáo dục KNXH đòi hỏi quá trình quản lý và hỗ trợ có hệ thống.

Ở góc độ quản lý, Nguyễn, Đặng, Nguyễn, Nguyễn và Nguyễn (2012) khẳng định công tác quản lý giáo dục bao gồm bốn chức năng cơ bản: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá; nếu thiếu một trong các khâu này, chất lượng hoạt động sẽ bị ảnh hưởng. Nguyễn (2021) và Nguyễn & Huỳnh (2023) cũng cho thấy việc quản lý giáo dục KNXH ở các cơ sở mầm non còn hạn chế về lập kế hoạch, hướng dẫn và đánh giá. Huỳnh và Nguyễn (2024) nhận định công tác chỉ đạo ở nhiều trường vẫn mang tính hình thức, thiếu sự theo dõi thường xuyên. Cao & cs. (2019) đề xuất cần tăng cường phối hợp giữa quản lý, GV và phụ huynh để tạo môi trường giáo dục đồng bộ. Trong khi đó, Trần và Huỳnh (2024) cho rằng việc kiểm tra và phản hồi kết quả ở các trường địa phương vẫn còn hình thức, thiếu tính cải tiến.

Những nghiên cứu trên khẳng định quản lý hoạt động giáo dục KNXH là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả hình thành kỹ năng xã hội của trẻ. Khi công tác quản lý được thực hiện chặt chẽ, khoa học và phù hợp, hoạt động giáo dục KNXH sẽ đạt hiệu quả cao hơn và phát huy tối đa vai trò của đội ngũ GV.

Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, dân số trẻ tăng mạnh, hệ thống trường mầm non phát triển về số lượng và quy mô. Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa các cơ sở công lập và tư thục, cũng như hạn chế về cơ sở vật chất và năng lực

đội ngũ, vẫn là thách thức lớn. Trong bối cảnh đó, việc khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non tại địa phương có ý nghĩa quan trọng nhằm phản ánh khách quan tình hình triển khai, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế, từ đó đề xuất giải pháp thiết thực nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục.

2. Nội dung

2.1. Khái quát về phương pháp khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp điều tra xã hội học, nhằm thu thập và phân tích dữ liệu liên quan đến thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non tại các trường mầm non trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối tượng khảo sát gồm 100 người, trong đó có 16 cán bộ quản lý (CBQL) và 84 GV đến từ 6 trường mầm non thuộc các khu vực khác nhau của huyện Bình Chánh. Việc lựa chọn mẫu đảm bảo tính đại diện cho cả khu vực trung tâm và ngoại thành, phản ánh được sự đa dạng về quy mô, loại hình và điều kiện cơ sở vật chất giữa các cơ sở giáo dục.

Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi định lượng được thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, bao gồm các nhóm nội dung đánh giá về: nhận thức, lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra - đánh giá hoạt động giáo dục KNXH. Sau khi thu thập, các dữ liệu được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, nhằm tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng mức độ của từng tiêu chí khảo sát. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để rút ra các kết luận định lượng về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNXH tại địa phương.

Để đo lường các biến quan sát, nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, phản ánh mức độ đồng ý, mức độ đạt được, mức độ ảnh hưởng hoặc mức độ hiệu quả đối với từng tiêu chí quản lý. Mỗi câu hỏi trong bảng khảo sát được thiết kế đo ở năm cấp độ tăng dần từ 1 đến 5 điểm.

Định khoảng trung bình là: 0.8, theo đó qui ước đánh giá các mức độ của từng nội dung dựa vào giá trị ĐTB theo qui ước theo bảng 1, như sau:

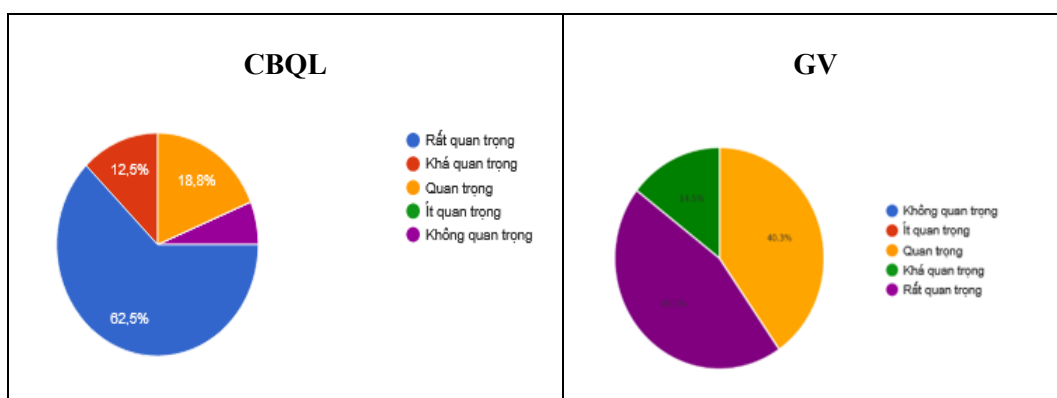
Bảng 1. Bảng quy ước thang đo

Điểm	Mức độ đạt được	Mức độ đồng ý	Mức độ thực hiện	Mức độ ảnh hưởng (AH)
Từ 1,0 đến 1,80	Kém	Hoàn toàn không đồng ý	Không thực hiện	Không ảnh hưởng
Từ 1,81 đến 2,60	Yếu	Không đồng ý	Ít thực hiện	Ít ảnh hưởng
Từ 2,61 đến 3,40	Trung bình	Phân vân	Trung bình	Ảnh hưởng
Từ 3,41 đến 4,20	Khá	Đồng ý	Khá thường xuyên	Khá ảnh hưởng
Từ 4,21 đến 5,0	Tốt	Hoàn toàn đồng ý	Rất thường xuyên	Rất ảnh hưởng

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận thức đúng giúp cho việc thực hiện quản lý hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ càng hiệu quả. Kết quả thực trạng này được phản ánh qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 1. Mức độ quan trọng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Biểu đồ 1 phản ánh nhận thức của CBQL và GV về mức độ quan trọng của quản lý hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy, phần lớn CBQL đánh giá rất cao vai trò của hoạt động này, với 62,5% cho rằng “rất quan trọng” và 18,8% đánh giá “khá quan trọng”. Chỉ có 12,5% cho rằng “quan trọng” và không có ai đánh giá ở mức “ít quan trọng” hoặc “không quan trọng”. Điều này cho thấy CBQL có nhận thức tích cực, đúng đắn và nhất quán về vai trò của việc quản lý hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ. Trong khi đó, ở nhóm GV, mức độ nhận thức có phần phân tán hơn. Cụ thể, 43,5% GV cho rằng “rất quan trọng”, 40,3% đánh giá “quan trọng” và 14,5% chọn mức “khá quan trọng”. Mặc dù không có GV nào phủ nhận tầm quan trọng của hoạt động này, nhưng tỷ lệ đánh giá “rất quan trọng” thấp hơn so với nhóm CBQL, cho thấy vẫn còn một bộ phận GV chưa thực sự nhận thức đầy đủ về vai trò của quản lý giáo dục KNXH. Từ đó có thể thấy, việc tăng cường công tác tuyên truyền, bồi dưỡng chuyên môn cho GV là cần thiết nhằm nâng cao nhận thức đồng bộ trong toàn trường, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ mầm non.

Do đó, công tác quản lý giữ vai trò đặc biệt quan trọng: khi việc quản lý được thực hiện chặt chẽ, khoa học và phù hợp thì hoạt động giáo dục KNXH sẽ nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi hơn. Chính sự tác động tích cực của quản lý sẽ góp phần định hướng, tổ chức và triển khai các hoạt động một cách hiệu quả, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục KNXH và đạt được những kết quả đúng như mục tiêu mong đợi.

2.2.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ phụ thuộc phần lớn vào chủ thể thực hiện các chức năng quản lý, đặc biệt là lập kế hoạch. Thực trạng vấn đề này, được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mức độ xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Lập kế hoạch	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phân tích thực trạng, xác định ưu điểm và hạn chế của hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ	4,38	0,72	4,39	0,64

TT	Lập kế hoạch	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
2	Xác định mục tiêu, nội dung giáo dục KNXH cho trẻ cần quản lý	4,44	0,81	4,35	0,60
3	Xác định các biện pháp thực hiện quản lý hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ	4,44	0,81	4,39	0,64
4	Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể thực hiện giáo dục KNXH cho trẻ	4,38	0,81	4,35	0,63
ĐTB chung		4,41		4,37	

Bảng số liệu thể hiện ý kiến đánh giá của CBQL và GV về quy trình xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ qua 4 nội dung chính. Dữ liệu trình bày theo ĐTB và ĐLC. Tiêu chí 1: Phân tích thực trạng. Mức điểm khá cao ở cả CBQL (4,38) và GV (4,39), cho thấy cả hai nhóm đều đánh giá tốt khả năng xác định hiện trạng, nhận diện đúng ưu - nhược điểm của hoạt động giáo dục KNXH. ĐLC của GV (0,64) thấp hơn CBQL (0,72), thể hiện sự đồng thuận cao hơn trong nhóm GV.

Tiêu chí 2: Xác định mục tiêu, nội dung giáo dục KNXH cho trẻ cần quản lý. CBQL đánh giá rất cao (4,44), trong khi GV đánh giá thấp hơn một chút (4,35). Điều này phản ánh CBQL có sự chủ động hơn trong việc xác định mục tiêu quản lý; tuy nhiên cần chú trọng trao đổi để GV cũng nắm bắt rõ định hướng và mục tiêu giáo dục.

Tiêu chí 3: “Xác định biện pháp thực hiện quản lý hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ”, đây là một trong các nội dung có ĐTB cao nhất (4,44 - CBQL và 4,39 - GV), thể hiện năng lực lập kế hoạch thực hiện quản lý hoạt động giáo dục KNXH tương đối tốt. Tuy nhiên, ĐLC của CBQL vẫn ở mức cao (0,81), cho thấy sự chênh lệch giữa các CBQL trong đánh giá, có thể do khác biệt giữa các trường.

Tiêu chí 4: “Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể thực hiện giáo dục KNXH cho trẻ”, cả hai nhóm đều đánh giá cao mức độ xây dựng kế hoạch cụ thể (CBQL: 4,38, GV: 4,35). Tuy nhiên, GV có ĐLC thấp hơn (0,63), cho thấy phần lớn GV có cùng nhận định về chất lượng kế hoạch được triển khai. Mức độ xây dựng kế hoạch giáo dục KNXH tại các trường mầm non ở huyện Bình Chánh là khá cao, với ĐTB toàn bộ các tiêu chí đều trên 4,3/5. CBQL đánh giá cao hơn so với GV (4,41 so với 4,37), cho thấy đội ngũ quản lý nhận định việc lập kế hoạch đã được thực hiện khá bài bản. Độ lệch chuẩn của CBQL cao hơn GV, phản ánh sự khác biệt trong nhận định giữa các CBQL - điều này có thể bắt nguồn từ sự không đồng đều giữa các cơ sở mầm non trên địa bàn nghiên cứu.

Thực tế ở một số trường, việc lập kế hoạch vẫn dựa nhiều vào kế hoạch cũ hoặc sao chép từ các nguồn trên mạng để hoàn thiện hồ sơ, nên thiếu sự phù hợp với điều kiện thực tế. Dù công tác lập kế hoạch đã được quan tâm triển khai khá toàn diện, song vẫn còn những bất cập, đòi hỏi cần cải tiến mạnh mẽ hơn, nhất là việc xây dựng các kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi thực

2.2.3. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức thực hiện kế hoạch là công việc vô cùng quan trọng trong việc tạo nên hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục KNXH được quan tâm nghiên cứu và trình bày kết quả ở bảng 3 sau:

Bảng 3. Mức độ tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Tổ chức hoạt động	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục KNXH cho trẻ	4,44	0,73	4,35	0,66
2	Xác định nhiệm vụ, hướng dẫn các bộ phận thực hiện hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ	4,38	0,81	4,32	0,65
3	Phát huy vai trò tích cực, sáng tạo của các chủ thể giáo dục KNXH cho trẻ	4,44	0,81	4,32	0,7
4	Sử dụng nguồn lực cho tổ chức hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ	4,44	0,73	4,3	0,7
ĐTB chung		4,43		4,32	

Kết quả số liệu Bảng 3 phần nào cho thấy các công việc tổ chức hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ được các ý kiến khách thể khảo sát đạt mức TB. Điểm TB chung của CBQL là (4,43) và GV là (4,32). Cả CBQL và GV đều đánh giá cao việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục KNXH tại các trường mầm non. CBQL có mức đánh giá cao hơn GV, đặc biệt ở việc sử dụng nguồn lực và phát huy sáng tạo - điều này phản ánh vai trò lãnh đạo, chỉ đạo mạnh mẽ của ban giám hiệu nhà trường. GV đánh giá thấp hơn một chút, đặc biệt ở các tiêu chí liên quan đến sáng tạo và nguồn lực - cho thấy vẫn còn một khoảng cách nhỏ giữa định hướng quản lý và việc triển khai thực tế trong lớp học. Bảng thể hiện mức độ đánh giá của CBQL và GV về việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục KNXH cho trẻ, thông qua 4 nội dung then chốt. Các chỉ số gồm ĐTB và ĐLC phản ánh mức độ đồng thuận và sự nhất quán trong ý kiến. Tiêu chí 1: Triển khai thực hiện kế hoạch. CBQL đánh giá rất cao (4,44), GV cũng đánh giá khá cao (4,35). ĐLC đều ở mức thấp (0,73 - CBQL, 0,66 - GV), thể hiện tính thống nhất cao trong việc triển khai kế hoạch tại các trường.

Tiêu chí 2: Xác định nhiệm vụ, hướng dẫn. Đây là nội dung có điểm thấp nhất trong cả hai nhóm: CBQL (4,38), GV (4,32). Tuy nhiên, mức độ vẫn cao (>4,3), cho thấy hoạt động hướng dẫn và phân công nhiệm vụ được thực hiện khá tốt, nhưng vẫn cần cải thiện để tăng tính rõ ràng và hiệu quả trong phối hợp công việc.

Tiêu chí 3: Phát huy vai trò sáng tạo của chủ thể. Mức đánh giá cao từ CBQL (4,44), GV đánh giá hơi thấp hơn (4,32), nhưng vẫn tích cực. ĐLC của GV cao nhất (0,70), phản ánh một số khác biệt trong việc GV nhận thấy mình (hoặc đồng nghiệp) được trao quyền sáng tạo ở mức độ nào.

Tiêu chí 4: Sử dụng nguồn lực. CBQL tiếp tục đánh giá cao (4,44), cho thấy sự chủ động trong huy động nhân lực, vật lực, thời gian... để tổ chức các hoạt động KNXH. GV đánh giá thấp nhất ở tiêu chí này (4,30), có thể là dấu hiệu cho thấy nguồn lực vẫn chưa được phân bổ đều hoặc phù hợp ở một số cơ sở.

Mặc dù công tác lập kế hoạch nhìn chung đã được thực hiện khá tốt, nhưng trong quá trình tổ chức, vẫn còn tình trạng triển khai chưa bám sát tinh thần kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, các nguồn lực và điều kiện hỗ trợ cho việc thực hiện còn hạn chế, cơ chế triển khai chưa thật sự thuận lợi, khiến hiệu quả chưa đạt như mong muốn. Do vậy, CBQL cần được bồi dưỡng, nâng cao năng lực trong việc tổ chức và điều hành hoạt động giáo dục KNXH, đồng

thời cần chú trọng quản lý một cách đồng bộ, tập trung khắc phục những mặt còn yếu để phát huy tối đa vai trò chủ thể của đội ngũ GV. Yếu tố con người, với vai trò quyết định, phải được coi trọng hàng đầu trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục KNXH cho trẻ.

2.2.4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ sẽ đạt hiệu quả cao khi được CBQL quan tâm chỉ đạo, điều hành việc thực hiện. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục KNXH được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Chỉ đạo	CBQL		GV	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phân công người chỉ đạo điều hành hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ	4,63	0,62	4,34	0,65
2	Thể hiện vai trò chỉ đạo, điều hành hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ	4,56	0,73	4,32	0,62
3	Chỉ đạo đổi mới các mặt cụ thể trong tổ chức hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ	4,63	0,62	4,37	0,66
ĐTB chung		4,60		4,34	

Nhóm CBQL có ĐTB cao hơn nhóm GV (4,60 so với 4,34). Điều này cho thấy CBQL tự đánh giá mức độ chỉ đạo của mình trong hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ là tốt hơn so với đánh giá của GV. Sự chênh lệch này phản ánh khoảng cách giữa chủ thể quản lý và đối tượng thực thi - trong đó, CBQL có thể đánh giá theo kế hoạch, còn GV đánh giá dựa trên quá trình triển khai thực tế. Công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ được CBQL đánh giá rất tích cực, tuy nhiên GV lại đánh giá ở mức thấp hơn, thể hiện có thể còn khoảng cách giữa kế hoạch và thực tiễn triển khai. Mức độ thống nhất trong đánh giá giữa các thành viên từng nhóm là khá cao, thể hiện độ tin cậy của dữ liệu khảo sát. Đây là cơ sở để nhà trường xem xét điều chỉnh lại vai trò chỉ đạo, tăng cường kết nối giữa CBQL và GV, bảo đảm việc chỉ đạo không chỉ mang tính hình thức mà còn sát với thực tiễn lớp học. Tiêu chí 1: Phân công người chỉ đạo điều hành CBQL đánh giá cao (4,63), cho thấy công tác phân công nhân sự phụ trách giáo dục KNXH được thực hiện rõ ràng, bài bản. GV đánh giá thấp hơn (4,34), có thể do việc phân công đôi lúc chưa rõ ràng, thiếu người chuyên trách, hoặc việc triển khai chưa đồng đều giữa các trường. ĐLC cả hai nhóm đều ở mức thấp ($\approx 0,6$), chứng tỏ sự đồng thuận khá cao.

Tiêu chí 2: Thể hiện vai trò chỉ đạo, điều hành. ĐTB thấp nhất trong 3 tiêu chí ở cả hai nhóm (CBQL: 4,56; GV: 4,32). Điều này có thể phản ánh khả năng hiện thực hóa vai trò chỉ đạo của CBQL chưa thật sự nổi bật trong mắt GV; vai trò chỉ đạo đôi khi chỉ mang tính hình thức hoặc thiếu sự theo sát thường xuyên. ĐLC ở CBQL khá cao (0,73), cho thấy ý kiến không đồng nhất, có thể do khác biệt về điều kiện, năng lực của từng CBQL ở các trường.

Tiêu chí 3: Chỉ đạo đổi mới hoạt động giáo dục KNXH. Cả CBQL và GV đều đánh giá cao (CBQL: 4,63; GV: 4,37). Điều này cho thấy sự quan tâm của lãnh đạo đến đổi mới phương pháp, cách tổ chức hoạt động giáo dục KNXH cho phù hợp với đặc điểm vùng miền, nhu cầu trẻ. ĐLC tương đối thấp, phản ánh sự nhất quán trong nhận định. CBQL tự đánh giá mức độ

chỉ đạo của mình rất cao, cho thấy họ tin tưởng vào hiệu quả điều hành hiện tại. GV đánh giá thấp hơn đáng kể, có thể xuất phát từ thực tiễn triển khai chưa đồng đều, việc chỉ đạo còn thiếu chiều sâu hoặc chưa hỗ trợ kịp thời. DLC của GV thấp hơn CBQL, cho thấy các GV có nhận định tương đối thống nhất. Nhìn chung, công tác chỉ đạo giáo dục KNXH của CBQL được thực hiện tốt ở nhiều mặt: phân công, điều hành và đổi mới hoạt động. Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa tự đánh giá của CBQL và cảm nhận từ GV là điểm đáng lưu ý.

Vai trò điều hành thực tế của CBQL là điểm cần được cải thiện rõ nét nhất. Tăng cường giám sát hỗ trợ chuyên môn, không chỉ dừng ở phân công hoặc ban hành kế hoạch mà còn thông qua quá trình chỉ đạo, theo dõi. Phát huy vai trò lãnh đạo trong đổi mới hoạt động giáo dục KNXH, tạo điều kiện cho GV thử nghiệm các mô hình mới, sáng tạo. Lấy ý kiến phản hồi từ GV định kỳ, nhằm điều chỉnh công tác chỉ đạo cho phù hợp thực tiễn và nhu cầu đội ngũ. Đào tạo bồi dưỡng CBQL về năng lực điều hành và quản trị hoạt động giáo dục KNXH, đặc biệt trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ vẫn còn những hạn chế. Thứ nhất, sự chỉ đạo mới dừng ở mức định hướng, thiếu giải pháp cụ thể đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức. Thứ hai, đội ngũ GV không đồng đều về trình độ chuyên môn, độ tuổi và đặc biệt là ý thức tự học, tinh thần trách nhiệm, tình yêu nghề mến trẻ, nên việc triển khai chưa đồng bộ và hiệu quả chưa cao. Thứ ba, các nguồn lực hỗ trợ như cơ sở vật chất, phương tiện giáo dục còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu trải nghiệm thực tế của trẻ. Chính vì vậy, công tác quản lý cần được đổi mới theo hướng nâng cao chất lượng chỉ đạo chuyên sâu, tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, đồng thời xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực hơn để hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ đạt hiệu quả bền vững.

2.2.5. Thực trạng kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Đánh giá để biết được mức độ kết quả đạt được so với mục tiêu để đổi mới nâng cao chất lượng hơn. Kết quả nghiên cứu thực trạng đánh giá hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ được trình bày ở bảng sau.

Bảng 5. Mức độ kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Kiểm tra, đánh giá	CBQL		GV	
		TB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Lập kế hoạch đánh giá hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ	4,63	0,62	4,29	0,71
2	Tổ chức đánh giá hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ	4,50	0,73	4,30	0,69
3	Ra quyết định khen thưởng thành tích, điều chỉnh, khắc phục hạn chế hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ	4,56	0,73	4,27	0,68
ĐTB chung		4,56		4,29	

Bảng 5 phản ánh kết quả là các công việc kiểm tra, đánh giá đã được các cấp quản lý quan tâm thực hiện. Điểm TB chung ý kiến đánh giá của CBQL là 4,56 và GV là 4,29 ĐLC bằng nhau 0,69 ở cả CBQL và GV dưới 1 chứng tỏ đồng thuận cao. CBQL đánh giá cao hơn rõ rệt so với GV ở cả 3 nội dung. Điểm trung bình của CBQL đạt mức rất cao (4,56) - thể hiện niềm tin của đội ngũ quản lý vào hiệu quả kiểm tra - đánh giá trong giáo dục KNXH. GV tuy đánh giá thấp hơn, nhưng vẫn ở mức cao (trên 4,2), chứng tỏ công tác kiểm tra - đánh giá đã có hiệu quả trong thực tiễn. Bảng thể hiện ý kiến đánh giá của CBQL và GV về thực trạng

công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNXH cho trẻ. Chỉ số thể hiện bao gồm ĐTB và DLC - đo lường mức độ đồng thuận và nhất quán trong nhận định của từng nhóm. Tiêu chí 1: Lập kế hoạch đánh giá hoạt động giáo dục KNXH. Đây là nội dung có ĐTB cao nhất ở cả hai nhóm, đặc biệt CBQL đạt 4,63. Thể hiện rằng công tác xây dựng kế hoạch đánh giá được chú trọng mạnh mẽ tại các trường. DLC của CBQL chỉ 0,62 → mức độ đồng thuận cao trong đội ngũ quản lý.

Tiêu chí 2: Tổ chức đánh giá hoạt động giáo dục. Mức điểm cao và gần nhau giữa CBQL (4,50) và GV (4,30), cho thấy hai nhóm đều nhận định việc thực thi kế hoạch đánh giá đang được duy trì ổn định. Tuy nhiên, DLC cao hơn (0,73 và 0,69) phản ánh một số khác biệt nhỏ giữa các trường hoặc giữa các cá nhân trong thực hành đánh giá.

Tiêu chí 3: Ra quyết định sau đánh giá. CBQL đạt 4,56, GV đạt 4,27: cho thấy CBQL nhận thấy kết quả đánh giá thường được sử dụng để khen thưởng, điều chỉnh, khắc phục hạn chế. GV có thể cảm nhận tác động của việc đánh giá chưa rõ nét bằng, nên mức điểm có phần thấp hơn. Công tác đánh giá giáo dục KNXH được triển khai bài bản, có kế hoạch rõ ràng và tổ chức thực hiện đều đặn. CBQL thể hiện vai trò chỉ đạo sâu sát, giúp phát huy hiệu quả quản lý thông qua đánh giá. Khoảng cách đánh giá giữa CBQL và GV vẫn tồn tại - GV cảm nhận rõ ràng hơn về tính thực chất hoặc tác động cụ thể của công tác đánh giá. Độ lệch chuẩn ở GV còn khá cao (0,69), cho thấy chưa có sự đồng thuận cao trong cảm nhận giữa các GV. Tăng cường công khai hóa, minh bạch hóa quy trình đánh giá, để GV hiểu rõ vai trò và tác động của từng bước đánh giá đến cải tiến chất lượng dạy học. Tổ chức các buổi đối thoại, góp ý sau đánh giá nhằm tạo sự gắn kết giữa GV và CBQL, thúc đẩy văn hóa phản hồi tích cực trong nhà trường.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non tại các trường mầm non huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy công tác này đã đạt được nhiều chuyên biên tích cực, thể hiện ở sự quan tâm của các cấp quản lý, sự chủ động của nhà trường và sự nỗ lực của đội ngũ GV. Nhận thức của CBQL và GV về tầm quan trọng của giáo dục KNXH được nâng cao, công tác lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra dần đi vào nề nếp, góp phần tạo môi trường học tập thân thiện, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định như việc lập kế hoạch còn hình thức, hoạt động tổ chức chưa đồng đều, công tác chỉ đạo còn thiếu chiều sâu và điều kiện cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu. Những hạn chế này chủ yếu xuất phát từ năng lực chuyên môn chưa đồng bộ của đội ngũ, cơ chế quản lý còn thiên về hành chính, sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng chưa hiệu quả và nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Từ đó, nghiên cứu khẳng định rằng việc nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNXH cần được tiếp tục chú trọng theo hướng đổi mới quản lý, tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ, phát huy tính chủ động của GV và huy động sự tham gia của toàn xã hội nhằm bảo đảm cho trẻ được phát triển hài hòa, tự tin và thích ứng tốt trong môi trường sống hiện đại.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019a). *Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ trong trường mầm non*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021: Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non*.
- CASEL. (2020, October). *Frameworks, competencies, standards, and guidelines*. Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning. Truy cập từ <https://casel.org/state-resource-center/frameworks-competencies-standards-and-guidelines>
- Cao, T. H. N., Lương, T. B., Nguyễn, T. Q., & Chu, T. H. N. (2019). *Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ trong trường mầm non*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đặng, T. H., & Trần, T. T. O. (2014). Bản chất và đặc điểm của kỹ năng xã hội. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (100), 9–10, 38; (101), 17–19, 37.
- Hạnh, N. T. T. (2017). Giáo dục kỹ năng xã hội qua trải nghiệm cho trẻ mầm non: Xu hướng giới và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, (143), 115–118.
- Huỳnh, M. T., & Nguyễn, M. P. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 310–317. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1429>.
- Nguyễn, T. H. Y. (2017). Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi qua trải nghiệm ở trường mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, (406, kỳ II - tháng 5), 14–18.
- Nguyễn, T. M. L., Đặng, Q. B., Nguyễn, T. H., Nguyễn, Q. C., & Nguyễn, S. T. (2012). *Quản lý giáo dục: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, T. T. H. (2021). *Giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi qua trải nghiệm*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, T. T. T., & Huỳnh, M. T. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mẫu giáo huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(04S), 1–10. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.04S.2023.1177>
- OECD. (2015). *Starting Strong IV: Monitoring quality in early childhood education and care*. OECD Publishing. Truy cập từ https://www.oecd.org/en/publications/2015/10/starting-strong-iv_g1g530b3.html
- Trần, T. Á. L., & Huỳnh, M. T. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ ở các trường mầm non huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 36–42. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1396>
- UNESCO. (2024). *Mainstreaming social and emotional learning in education systems: Executive summary*. Truy cập từ <https://unesdoc.unesco.org/ark%3A/48223/pf0000391761>
- UNESCO. (2024). *What you need to know about social and emotional learning*. Truy cập từ <https://www.unesco.org/en/articles/what-you-need-know-about-social-and-emotional-learning>
- UNESCO. (2025). *Mainstreaming social and emotional learning in education systems: Policy guide*. Truy cập từ <https://www.unesco.org/en/articles/mainstreaming-social-and-emotional-learning-education-systems-policy-guide>.